TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2026/DS-ST
Ngày 09/02/2026
V/v tranh chấp: "Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

*Các Hội thẩm nhân dân:*1. Ông Võ Tấn Phước

2. Ông Tô Hùng Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Trần Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 414/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2025 về việc *"Hợp đồng mua bán"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2026/QĐXX-ST ngày 22 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Trần Phước H, sinh năm 1997. Chủ hộ kinh doanh cửa hàng T1. Địa chỉ thường trú: khóm E, phường A, tỉnh Cà Mau. Địa chỉ liên hệ ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau. Người đại diện theo uỷ quyền của ông Trần Phước H: Bà Phan Thị Quốc A, sinh năm 2002. Địa chỉ: Ấp N, xã N, tỉnh Cà Mau (có đơn vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Thạch Q, sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau. Căn cước công dân số: 095083010722 cấp ngày 02/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội *(có đơn vắng mặt).*

2. Bà Sơn Thị C, sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 là chị Phan Thị Quốc A trình bày:

Nguyên bà Hữu Thị Q1 – Chủ hộ Kinh doanh Đại lý T1 (T1) đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh Đại lý T1 1 sang cho bà Ngô Thị Cẩm T theo văn bản thỏa thuận ký ngày 19/3/2024. Nay, bà Ngô Thị Cẩm T - Chủ hộ Kinh doanh Đại lý T1 (T1) đã chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh của Hộ Kinh doanh Đại lý T1 sang cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 theo văn bản thỏa thuận ký ngày 09/9/2025. Vào ngày 15/01/2020 ông Thạch Q2 thực hiện hợp đồng mua bán với hộ Kinh doanh Cửa hàng T1. Theo đó, Tân Quang M bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt H1, G và các nhãn hiệu khác cùng với thuốc, hóa chất cho nuôi trồng thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Thạch Q2 để nuôi tôm đến cuối vụ thanh toán dứt điểm cho Tân Quang M.

Trong quá trình giao dịch, ông Thạch Q2 nợ Hộ Kinh doanh Đại lý T1 tổng số tiền là 151.922.000 đồng theo Bảng đối chiếu công nợ ký ngày ngày 12 tháng 05 năm 2020. Đến nay, Hộ Kinh doanh Đại lý T1 đã liên hệ làm việc nhiều lần yêu cầu ông Q2 và bà C trả nợ nhưng ông Q2, bà C không thực hiện đúng cam kết, không có thiện chỉ thanh toán dứt điểm công nợ. Vào ngày 14 tháng 01 năm 2026, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 có đơn rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Sơn Thị C, không đặt ra trách nhiệm trả nợ đối với bà C. Lý do ông Q2 và bà C đã ly hôn trước khi ký ông Q2 ký hợp đồng mua bán với Tân Quang M. Nay, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 yêu cầu Tòa án buộc ông Thạch Q2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 1 tổng số tiền 238.040.000 đồng *(Trong đó, nợ gốc là 151.922.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/6/2020 đến ngày 09/02/2026 là 86.118.000 đồng).*

Theo bị đơn ông Thạch Q2 trình bày: Ông Q2 xác định ông Q2 có ký kết đồng mua bán thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 lập ngày 15/01/2020 và có ký tên vào bảng đối chiếu công nợ lập ngày 12/5/2020 mà Tân Quang M cung cấp cho Tòa án. Ông M1 thức ăn tôm, thuốc thủy sản dùm cho người em ông, do nuôi tôm thất bại nên chưa thanh toán nợ cho Tân Quang M. Ông Q2 thừa nhận còn nợ ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 số tiền gốc 151.922.000 đồng theo như bảng đối chiếu công nợ ngày 12/5/2020. Ông Q2 xác định đây là nợ riêng của ông, vì bà C vợ ông đã ly hôn với ông năm 2018.

Nay ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 yêu cầu ông thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 tổng số tiền nợ gốc là 151.922.000 đồng và nợ lãi suất theo quy định pháp luật thì ông đồng ý không có ý kiến gì khác.

Đối với bị đơn bà Sơn Thị C không có lời trình bày, lý do ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đã có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không đặt ra trách nhiệm trả nợ đối với bà C.

Tại phiên tòa:

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau:

+ *Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1, buộc ông Thạch Q2 thanh toán số tiền gốc mua bán thức ăn tôm, thuốc thủy là 151.922.000 đồng và lãi suất 10%/năm từ ngày 01/6/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với bà Sơn Thị C về trách nhiệm trả nợ. Lý do, ông Trần Phước H có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Q2 phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng.

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Phước H-Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện yêu cầu ông Thạch Q2 có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tổ tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bị đơn ông Thạch Q2, bà Sơn Thị C có nơi cư trú tại ấp V, xã V, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 7- Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn ông Trần Phước H-Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 khởi kiện yêu cầu ông Thạch Q2 và bà Sơn Thị C có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn nợ theo Hợp đồng mua bán thức ăn tôm và các loại thuốc thủy sản nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "Tranh chấp Hợp đồng mua bán" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bà Phan Thị Quốc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn ông Thạch Q2 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Phan Thị Quốc A và ông Thạch Q2 là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 14 tháng 01 năm 2026 của nguyên đơn ông Trần Phước H-Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với bà Sơn Thị C về trách nhiệm trả nợ. Lý do, bà C và ông Q2 đã ly hôn trước

khi ông Q2 ký hợp đồng mua bán với ông Trần Phước H. Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn bà C là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà C về trách nhiệm trả nợ.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông Thạch Q2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tính đến ngày 09 tháng 02 năm 2026 là 238.348.692 đồng (trong đó, nợ gốc là 151.922.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/6/2020 đến ngày 09/02/2026 là 86.426.692 đồng) thấy rằng:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 cung cấp số mua bán, bảng đối chiếu xác nhân công nợ của ông Q2. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Q2 thống nhất thừa nhân: Hiện nay, ông Q2 có nợ ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 số tiền gốc 151.922.000 đồng (Một trăm năm mươi mốt triệu chín trăm hai mươi hai nghìn đồng). Sự thừa nhận của ông Nguyễn Văn H2 phù hợp với Bảng đối chiếu xác nhận công nợ do nguyên đơn cung cấp tại Tòa án. Do vậy, đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3] Xét thấy, việc thỏa thuận ký kết Hợp đồng mua bán thức ăn nuôi tôm và các loại thuốc thủy sản giữa các bên là trên cơ sở tự nguyện, có xảy ra trên thực tế và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Từ đó, yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 yêu cầu ông Q2 trả số tiền nợ tính đến ngày 09 tháng 02 năm 2026 là 238.348.692 đồng (trong đó, nợ gốc là 151.922.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/6/2020 đến ngày 09/02/2026 là 86.426.692 đồng) là có căn cứ. Căn cứ theo quy định tại Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1. Buộc ông Q2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 số tiền nợ theo Hợp đồng mua bản đã ký kết là tính đến ngày 09 tháng 02 năm 2026 là 238.348.692 đồng (trong đó, nợ gốc là 151.922.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/6/2020 đến ngày 09/02/2026 là 86.426.692 đồng).

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1: Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với ông Q2 được chấp nhận nên ông H không phải chịu án phí. Ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đã nộp tạm ứng án phí 5.798.000 đồng tại Biên lai thu số 0006256 ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được hoàn lại. Ông Q2 phải chịu số tiền án phí 11.917.434 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 244, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với ông Thạch Q2 về tranh chấp hợp đồng mua bán.

2. Buộc ông Thạch Q2 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 tổng số tiền tính đến ngày 09 tháng 02 năm 2026 là 238.348.692 đồng (trong đó, nợ gốc là 151.922.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 01/6/2020 đến ngày 09/02/2026 là 86.426.692 đồng).

** Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.*

3. Chấp nhận rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với bà Sơn Thị C cùng có trách nhiệm với ông Thạch Q2 thanh toán số tiền nợ gốc 151.922.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/6/2020 đến khi thanh toán hết nợ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 đối với bà Sơn Thị C cùng có trách nhiệm với ông Thạch Q2 thanh toán số tiền nợ gốc 151.922.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 01/6/2020 đến khi thanh toán hết nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Nguyên đơn ông Trần Phước H - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng T1 được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 5.798.000 đồng tại biên lai thu số 0006256 ngày 11 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau

Ông Thạch Q2 phải chịu số tiền án phí 11.917.434 đồng (mười một triệu chín trăm mười bảy nghìn bốn trăm ba mươi bốn đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7- Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầuthi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 7 - Cà Mau;
- Phòng THADSKV 7- Cà Mau;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thụy Lan Chi